

**TOÀ ÁN ND HUYỆN YT
TỈNH BG**

Bản án số: **38/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/9/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT – TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hải Đăng

Ông Lục Viết Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa:
Không

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị D, sinh năm 1978 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố TN, thị trấn BH, huyện YT, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm: 1978 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Đơn vị công tác: Công an xã ĐT, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân K năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh BG. Tuy nhiên, do chị mất giấy chứng nhận kết hôn, sổ theo dõi tại Ủy ban nhân dân xã Khám Lạng không có thông tin về việc chị và anh K đăng ký kết hôn nên ngày 15 tháng 9 năm 2015 chị và anh K đã đến Ủy ban nhân dân xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh BG để đăng ký kết hôn lại. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Từ khi ly

thân vợ chồng chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Xuân Quyết, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2003 và Nguyễn Tú Quyên, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007. Hiện nay cháu Quyết đã đủ 18 tuổi, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng nuôi cháu Quyên, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Xuân K trình bày:**

Anh và chị Vũ Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 9 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau bình thường đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Xuân Quyết, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2003 và Nguyễn Tú Quyên, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con, trường hợp con chung không ở với anh thì anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Xuân K đều vắng mặt.

Viện kiểm sát nhân dân huyện YT ban hành công văn số 696/CV-VKS ngày 27 tháng 8 năm 2021 xác định vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện YT nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình: Xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân K công tác tại Công an xã ĐT, huyện YT, tỉnh BG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh K kết hôn ngày 15 tháng 9 năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh BG. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị D xin ly hôn anh K đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh K đã trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị D được ly hôn với anh K là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị D, anh K có 02 con chung là Nguyễn Xuân Quyết, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2003 và Nguyễn Tú Quyên, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007. Cháu Quyết đã đủ 18 tuổi, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị D có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Tú Quyên, cháu Quyên có nguyện vọng được sống cùng với chị D, anh K đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của con chung. Chính vì vậy, cần giao cháu Quyên cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung: Chị D và anh K cùng thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Nguyễn Xuân K

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tú Quyên, sinh ngày 11/12/2007 cho chị Vũ Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp đủ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0004790 ngày 16/7/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT, tỉnh BG thu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- VKSND Tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện YT;
- UBND xã Khám Lạng, huyện Lục Nam.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng